TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRỰC NINH** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2018/HNGĐ-ST
Ngày 12- 6 - 2018
V/v tranh chấp hôn nhân gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRỰC NINH, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Chu Thái Hà.

*Các Hội thẩm nhân dân**:***

Bà Đoàn Thị Dịu

Bà Vũ Thị Bình

- Thư ký phiên toà: Ông Đào Đức Tài - Thẩm tra viên TAND huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định.

- Đại diện VKSND huyện Trực Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tùng - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 6 năm 2018 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Trực Ninh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 35/2018/TLST-HNGĐ ngày 05/4/2018 về việc xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 28/5/2018, giữa các đương sự :

Nguyên đơn: Chị Trần Thị H - Sinh năm 1991.

Nơi ĐKHKTT: Xóm K, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định.

Hiện đang trú tại: Xóm 25, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định.

Bị đơn: Anh Trần Văn T - Sinh năm 1991.

Địa chỉ: Xóm K, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa: Có mặt chị H. Vắng mặt anh T mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn ngày 20/3/2018, bản tự khai và tại phiên toà, nguyên đơn là chị Trần Thị H trình bày:

Chị và anh Trần Văn T đăng ký kết hôn vào ngày 05/9/2014 tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Nam Định. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do tính tình, quan điểm sống của vợ chồng khác nhau. Hai bên gia đình đã hòa giải nhiều lần nhưng không thành nên vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 7 năm 2017, không ai quan tâm đến ai. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn không thể đoàn tụ được nữa nên đề nghị được ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Trần Ngọc Khánh A - Sinh ngày 22/01/2016 hiện tại đang ở với chị. Khi ly hôn chị đề nghị được nuôi con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản, công nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 18/5/2018, bà Nguyễn Thị S (là mẹ đẻ của anh Trần Văn T) cung cấp như sau:

Anh Trần Văn T đã biết việc chị Trần Thị H có đơn xin ly hôn nhưng do bận công việc nên anh không đến Tòa án làm việc và có quan điểm như sau: Mặc dù vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 5/2017 nhưng vẫn mong muốn Tòa án hòa giải để đoàn tụ, nếu chị H kiên quyết ly hôn thì đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật; Nếu ly hôn anh nhận nuôi con chung là Trần Ngọc Khánh A - Sinh ngày 22/01/2016 và không yêu cầu chị H cấp dưỡng tiền nuôi con chung; Về tài sản, công nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Chị H: Vẫn giữ nguyên quan điểm như trên.
- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa của Thẩm phán và HĐXX đúng quy định của BLTTDS.

Nguyên đơn đã chấp hành nghiêm chỉnh quy định về quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn theo quy định tại các Điều 70; 71 BLTTDS;

Bị đơn mặc dù đã có mặt viết bản tự khai, nhưng không có mặt để hòa giải và không xuất trình chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình, đã vi phạm quy định về quyền và nghĩa vụ của bị đơn theo quy định tại các Điều 70; 72 BLTTDS.

Việc Tòa án hoãn phiên tòa do có sự vắng mặt của bị đơn lần thứ nhất và mở lại phiên tòa lần thứ hai là đúng quy định tại Điều 227; 233 BLTTDS.

Về nội dung: Xét thấy vợ chồng chị H, anh T đã sống ly thân từ lâu, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên đề nghị HĐXX áp dụng Điều 56 Luật hôn và nhân gia đình đề nghị HĐXX xử ly hôn giữa chị Trần Thị H và anh Trần Văn T.

Về con chung: Giao con chung là Trần Ngọc Khánh A - Sinh ngày 22/01/2016 cho chị H nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của chị H về việc không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Về tài sản, công nợ: Không có, không đề nghị giải quyết nên không xem xét. Về án phí: Chị H nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục trong việc tống đạt các văn bản tố tụng cho anh Trần Văn T nhưng anh T vẫn vắng mặt là vi phạm quy định về quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại các Điều 70; 72 BLTTDS.

Việc Tòa án hoãn phiên tòa do có sự vắng mặt của bị đơn lần thứ nhất và mở lại phiên tòa lần thứ hai là đúng quy định tại Điều 227; 233 BLTTDS.

[2] Về nội dung:

Chị Trần Thị H và anh Trần Văn T kết hôn ngày 05/9/2014 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn, đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống với nhau một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình, quan điểm sống khác nhau nên vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2017.

Sau khi chị H có đơn khởi kiện xin ly hôn, TAND huyện Trực Ninh đã thông báo nội dung khởi kiện xin ly hôn của chị H cho anh T nhưng anh T không đến Tòa án để làm việc.

Theo yêu cầu của chị H, TAND huyện Trực Ninh đã tiến hành thu thập chứng cứ. Tại biên bản lấy lời khai ngày 18/5/2018, bà Nguyễn Thị S (là mẹ đẻ của anh Trần Văn T) đã cung cấp: Anh T đã biết việc chị H có đơn khởi kiện xin ly hôn nhưng do bận công việc nên anh không đến Tòa án làm việc. Mặc dù vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 5/2017 nhưng vẫn mong muốn Tòa án hòa giải để đoàn tụ, nếu chị H kiên quyết ly hôn thì đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật; Nếu ly hôn anh nhận nuôi con chung là Trần Ngọc Khánh A và không yêu cầu chị H cấp dưỡng tiền nuôi con chung; Về tài sản, công nợ không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xét thực tế chị H và anh T đã sống ly thân từ tháng 7 năm 2017, không ai quan tâm đến ai. Bản thân anh T không có ý thức để hòa giải, đoàn tụ gia đình thể hiện qua việc anh T không đến Tòa án để làm việc, vì vậy có thể xác định được quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh T đã thực sự tan vỡ, mục đích của hôn nhân không đạt được, việc chị H xin ly hôn là phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là: Trần Ngọc Khánh A - Sinh ngày 22/01/2016, hiện đang ở với chị H.

Hiện nay con chung là Trần Ngọc Khánh A chưa đủ 36 tháng tuổi và chị H có yêu cầu được nuôi con chung nên Hội đồng xét xử giao cho chị H nuôi dưỡng con chung là phù hợp với thực tế và quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình.

Việc chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con chung là sự tự nguyện của đương sự và phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về tài sản, công nợ: Chị H và anh T không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết, Các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng không thể hiện chị H và anh T có tài sản, khoản nợ chung nên không xem xét

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị H nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 56, 81 và Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Xử ly hôn giữa chị Trần Thị H và anh Trần Văn T.

2. Con chung: Giao cho chị Trần Thị H nuôi dưỡng con chung là Trần Ngọc Khánh A - Sinh ngày 22/01/2016. Chấp nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh Trần Văn T cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Anh Trần Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn mà không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Án phí: Chị Trần Thị H nộp 300.000 đồng. Đối trừ với số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị H đã nộp theo biên lai thu tiền số 04746 ngày 05/4/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định. Chị Trần Thị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Trần Thị H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Anh Trần Văn T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt bản án hợp lệ theo quy định của BLTTDS.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo các Điều 6, Điều7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Chu Thái Hà

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Trực Ninh;
- Chi cục THADS huyện Trực Ninh;
- UBND xã T;
- UBND xã T;
- Lưu HS, VP.